

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

PGS, TS. ĐOÀN XUÂN THỦY^(*)

1. Những thành tựu cơ bản trong xây dựng và phát triển nền kinh tế thị trường (KTMT) định hướng XHCN

Thứ nhất, về cơ bản, hệ thống chủ thể kinh doanh đa dạng, năng động của nền KTMT đã được hình thành

Trên thực tế, việc thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách kinh tế nhiều thành phần, thừa nhận sự đa dạng của quan hệ sở hữu về tư liệu sản xuất trong thời kỳ quá độ lên CNXH ở nước ta trong quá trình đổi mới đã tạo ra hệ thống các chủ thể kinh doanh ngày càng đa dạng, cho phép chuyển đổi cơ chế kinh tế từ kế hoạch hóa sang thị trường. Bên cạnh các chủ thể sản xuất - kinh doanh chủ yếu trước đây là các doanh nghiệp nhà nước (DNNN), hợp tác xã (HTX), hiện nay đã từng bước hình thành và phát triển nhanh các chủ thể kinh doanh khác dựa trên sở hữu tư nhân và sở hữu nước ngoài về tư liệu sản xuất, góp phần hình thành hệ thống chủ thể ngày càng đa dạng, năng động của nền KTMT.

Những thay đổi lớn về cơ cấu chủ thể kinh doanh cũng như sự thay đổi của từng loại hình chủ thể kinh doanh được thực hiện theo hướng ngày càng thích nghi với cơ chế thị trường. Sự giảm sút về số lượng và thu hẹp về phạm vi hoạt động của DNNN và HTX diễn ra song hành với sự gia tăng nhanh chóng của các chủ thể kinh doanh khác, như hộ nông dân tự chủ, hộ kinh doanh cá thể, doanh nghiệp (DN) tư nhân, DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI). Nhờ đó, số lượng các cơ sở sản xuất - kinh doanh không ngừng tăng lên, thúc đẩy cạnh tranh, tạo thuận lợi cho các quy luật của thị trường hoạt động. Nếu tính riêng giai đoạn 1995 - 2012, số lượng các DN ngoài Nhà nước tăng từ 17.143 DN lên đến 328.832 DN (gấp 19,18 lần), tỷ trọng trong tổng số DN tăng từ 72,31% lên 96,26%; DNNN giảm từ 5.873 DN xuống 3.308 DN (tỷ trọng giảm từ 24,77% xuống 0,97%). FDI tăng 13,67 lần, từ 692 DN lên 9.461 DN. Các hộ kinh doanh cá thể phi nông nghiệp tăng 2,46 lần, từ 1.879.402 hộ lên 4.624.885 hộ. Tổng số các cơ sở sản xuất - kinh doanh giai đoạn này tăng 2,54 lần, từ 2.036.380 cơ sở lên 5.162.419 cơ sở⁽¹⁾.

Sự phát triển về số lượng và chuyển dịch

^(*) Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

⁽¹⁾ Nguồn: Tổng cục Thống kê, *Kết quả tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2002, năm 2012*

về cơ cấu chủ thể kinh doanh đã tạo thuận lợi lớn, cho phép các DN thu hút và khai thác ngày càng hiệu quả hơn các nguồn lực trong và ngoài nước. Tổng giá trị vốn kinh doanh của các DN trong giai đoạn 2000 - 2012 tăng 14,8 lần, số lượng lao động thu hút tăng 3,06 lần, quy mô vốn bình quân của DN tăng 2 lần. Điều này đã tạo điều kiện cho các chủ thể kinh doanh hoàn thiện theo hướng ngày càng phù hợp với những yêu cầu của KTTT và hội nhập quốc tế.

Trong xu thế thu hẹp phạm vi hoạt động, các DNNN đã dần tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt, yết hầu của nền kinh tế và từng bước được Nhà nước trao quyền tự chủ kinh doanh, với tư cách là chủ thể kinh doanh tự chủ của KTTT. Trong những năm đổi mới, tổng giá trị nguồn vốn kinh doanh của DNNN tăng 7,22 lần, quy mô vốn bình quân tăng 12,88 lần, quy mô lao động bình quân tăng 1,42 lần. Tổng giá trị nguồn vốn kinh doanh của các DN ngoài Nhà nước tăng 76,84 lần, FDI tăng 10,36 lần; số lượng lao động thu hút của DN ngoài Nhà nước tăng 6,37 lần, FDI tăng 6,25 lần; quy mô vốn bình quân của DN ngoài Nhà nước tăng 8,95 lần, FDI tăng 1,79 lần⁽²⁾. Sự lớn mạnh của DNNN đã tạo ra điều kiện vật chất ngày càng lớn. Điều này không chỉ giúp Nhà nước trong việc điều tiết để ổn định thị trường, mà còn góp phần quan trọng vào việc giải quyết và ổn định các vấn đề chính trị - xã hội, đảm bảo cho Việt Nam trong thời gian dài có môi trường kinh doanh ổn định. Các HTX đã đổi mới theo hướng tập trung chủ yếu vào khâu cung cấp các dịch vụ cơ bản, hỗ trợ hoạt động sản xuất - kinh doanh cho các chủ thể kinh doanh nhỏ. DN ngoài Nhà nước và FDI có đóng góp ngày

càng lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội. Tình hình đó đã tạo thuận lợi cho sự hình thành, củng cố và phát triển mối quan hệ hoàn toàn mới giữa các chủ thể kinh doanh: cùng hợp tác và cạnh tranh trong sản xuất hàng hóa, dịch vụ phục vụ nhu cầu thị trường trong và ngoài nước.

Thứ hai, hệ thống các loại thị trường đã được hình thành tương đối đồng bộ, từng bước đáp ứng yêu cầu sản xuất - kinh doanh

Sự phát triển nhanh chóng theo hướng đa dạng chủ thể kinh doanh đã tạo thuận lợi cho việc chuyển đổi nhanh chóng phương thức tương tác qua lại giữa các chủ thể kinh doanh, từ kế hoạch hóa mệnh lệnh sang cùng hợp tác và cạnh tranh trên thị trường, góp phần hình thành và phát triển hệ thống thị trường ngày càng đồng bộ. Bên cạnh sự phát triển và thay đổi căn bản của thị trường hàng tiêu dùng từ bao cấp sang hoạt động theo cơ chế thị trường, các thị trường yếu tố sản xuất dần được hình thành và mở rộng theo yêu cầu phát triển sản xuất - kinh doanh hàng hóa và dịch vụ. Theo đó, các loại hình thị trường phục vụ quá trình sản xuất cũng hình thành và phát triển, đặc biệt là thị trường tài chính, sức lao động, bất động sản, khoa học - công nghệ... Cùng với sự phát triển của hệ thống thị trường trong nước, quan hệ kinh tế đối ngoại đã có bước phát triển nhanh, thúc đẩy các hoạt động xuất, nhập khẩu, thu hút đầu tư nước ngoài, giúp cho nền kinh tế từng bước đổi mới công nghệ, nâng cao sức cạnh tranh. Như vậy, sự hình thành và phát triển hệ thống thị trường đã từng bước tạo ra nền tảng quan trọng cho nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, đẩy nhanh quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang KTTT.

Thứ ba, vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước có sự thay đổi căn bản theo hướng từng bước thích nghi với cơ chế thị trường

Trong những năm đổi mới, chức năng của Nhà nước nói chung, chức năng kinh tế nói riêng đã từng bước được xác định và thực

⁽²⁾ Nguồn: Tổng cục Thống kê, *Thực trạng doanh nghiệp qua kết quả điều tra từ năm 2000 đến năm 2007; Kết quả tổng điều tra cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012*

thi theo hướng phù hợp với quá trình chuyển đổi nền kinh tế sang KTTT. Trên cơ sở tách bạch chức năng quản lý nhà nước về kinh tế, chức năng chủ sở hữu DNNN và chức năng kinh doanh của DN, hoạt động điều tiết của Nhà nước đã từng bước được đổi mới, từ can thiệp trực tiếp bằng mệnh lệnh hành chính sang quản lý bằng luật pháp, chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các công cụ điều tiết vĩ mô khác. Nhà nước không còn trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất - kinh doanh như trước đây, mà tập trung vào các khâu tạo lập môi trường pháp lý, môi trường kinh tế; đầu tư phát triển các ngành kết cấu hạ tầng thiết yếu nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động của các chủ thể kinh doanh, thực hiện điều tiết kinh tế vĩ mô thông qua các công cụ kế hoạch hóa định hướng, các chính sách kinh tế - xã hội dựa trên các quy luật thị trường. Phương thức điều tiết kinh tế của Nhà nước đã có tác động tích cực, không chỉ nhanh chóng ứng phó với những bất ổn kinh tế trong và ngoài nước, đảm bảo môi trường kinh doanh tương đối ổn định, mà còn góp phần giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc, đặc biệt về xóa đói, giảm nghèo trong điều kiện trình độ phát triển kinh tế chưa cao.

Thứ tư, thể chế KTTT định hướng XHCN tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện

Cùng với sự hình thành và phát triển của các quan hệ thị trường, thể chế KTTT định hướng XHCN cũng từng bước được hình thành và hoàn thiện. Các chủ trương, đường lối đổi mới của Đảng tiếp tục được thể chế hóa thành luật pháp, cơ chế, chính sách ngày càng đầy đủ, đồng bộ hơn. Khung pháp

lý được hình thành ngày càng rõ ràng, minh bạch và bình đẳng cho việc tự do kinh doanh của các chủ thể kinh doanh thuộc mọi thành phần kinh tế; môi trường đầu tư, kinh doanh từng bước được cải thiện. Sự hình thành khung pháp lý về các loại hình thị trường, như thị trường hàng hóa, dịch vụ... và các thị trường yếu tố sản xuất, như thị trường tư liệu sản xuất, sức lao động, bất động sản, tài chính, khoa học và công nghệ... đã tạo thuận lợi cho sự vận động và phân bổ các nguồn lực kinh tế theo hướng hiệu quả, góp phần khơi dậy và khai thác tốt hơn các nguồn lực phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong xu thế không ngừng mở rộng hội nhập quốc tế.

Những thành tựu đổi mới về chủ thể kinh doanh, hệ thống thị trường, vai trò kinh tế của Nhà nước và hệ thống thể chế kinh tế đã tạo ra xung lực mới, tác động mạnh mẽ đến phát triển kinh tế và từng bước thực hiện công bằng xã hội ở nước ta. Trong giai đoạn 1986 - 2013, GDP tính theo giá cố định năm 1994 tăng trên 7 lần, GDP bình quân đầu người năm 2013 đạt mức 1.960 USD/người; tỷ lệ hộ nghèo cả nước năm 2013 ước tính 9,9%; cơ cấu kinh tế đã chuyển dịch tích cực theo hướng CNH, HĐH (năm 2013 khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm tỷ trọng 18,4% GDP, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 38,3% và khu vực dịch vụ chiếm 43,3%); lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc (năm 2013) trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 46,9% tổng số, khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 21,1%, khu vực dịch vụ chiếm 32,0%⁽³⁾.

Những thành tựu to lớn nêu trên là minh chứng khẳng định sự lựa chọn đúng đắn của Đảng về phát triển KTTT định hướng XHCN. Nền kinh tế về cơ bản đã chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước XHCN. Sự hình thành và phát triển của nền KTTT định hướng XHCN những năm qua đã tạo ra thế và lực mới, ngày càng

⁽³⁾ *Nguồn:* Real Historical Gross Domestic Product (GDP) and Growth Rates of GDP for Baseline Countries/Regions (in billions of 2010 dollars) 1969-2010; http://www.ers.usda.gov/datafiles/International_Macroeconomic_Data/Historical_Data; Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê 2013, Nxb Thống kê, HN. 2014

vững chắc cho việc thực hiện mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”, thể hiện sự vận dụng sáng tạo các quy luật của thị trường của Đảng, Nhà nước và nhân dân để xây dựng nền tảng cho xã hội mới - xã hội XHCN.

2. Những hạn chế chủ yếu trong xây dựng và phát triển nền KTTT định hướng XHCN

Một là, kinh tế phát triển chưa bền vững, chất lượng tăng trưởng, năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp. Động lực phát triển đang có nguy cơ giảm sút nghiêm trọng. Những động lực chủ yếu được hình thành từ chính sách Khoán 10 trong nông nghiệp, từ mở rộng tính tự chủ kinh doanh của các chủ thể kinh doanh dựa trên chế độ công hữu và sự hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần mới chỉ hướng tới khơi dậy và khai thác các yếu tố phát triển theo chiều rộng, do đó chỉ phát huy tác dụng tích cực trong thời gian tương đối ngắn, chủ yếu trong giai đoạn 1991 - 2000. Mặc dù trong những năm đổi mới, Việt Nam đã đạt được tốc độ

tăng trưởng khá cao, song tốc độ tăng trưởng kinh tế chưa đều, có xu hướng giảm dần (xem *Bảng 1*).

Tăng trưởng kinh tế được thực hiện chủ yếu theo chiều rộng dựa vào tăng đầu tư, khai thác tài nguyên; các cân đối vĩ mô chưa vững chắc, dễ mất ổn định khi kinh tế khu vực và thế giới có biến động xấu. Công nghiệp chế tạo, chế biến phát triển chậm; gia công, lắp ráp còn chiếm tỉ trọng lớn, làm gia tăng tính phụ thuộc của nền kinh tế vào tình hình kinh tế nước ngoài. Cơ cấu kinh tế giữa các ngành, lĩnh vực và trong nội bộ từng ngành chậm chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH. Năng suất lao động xã hội thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực. Năng lực cạnh tranh quốc gia chậm được cải thiện. Đầu tư vẫn dàn trải, hiệu quả sử dụng các nguồn vốn đầu tư thấp, còn thất thoát, lãng phí, nhất là nguồn vốn đầu tư của Nhà nước. Điều này thể hiện ở mức chỉ số ICOR khá cao (xem *Bảng 2*).

Hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển chậm, thiếu đồng bộ. Chất lượng nhiều công trình xây dựng cơ bản rất thấp. Lợi thế về nguồn lực lao động và tài nguyên đã dần cạn kiệt, trong khi trình độ công nghệ của nền kinh tế chưa được nâng cao, làm cho năng suất lao động xã hội và sức cạnh tranh của nền kinh tế thấp, đặc biệt trong hội nhập quốc tế.

Hai là, mặc dù số lượng DN tăng nhanh qua các năm đã tạo ra hệ thống chủ thể kinh tế đa dạng, song hiệu quả sản xuất - kinh doanh và sức cạnh tranh của DN rất thấp, đặc biệt so với lãi suất ngân hàng. Kết quả tổng điều tra các đơn vị kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012 của Tổng cục Thống kê cho thấy, hiệu suất sinh lời trên tài sản toàn

Bảng 1: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân hàng năm qua các giai đoạn

Giai đoạn	Tốc độ tăng trưởng (%)
1986 - 1990	4,79
1991 - 1995	8,21
1996 - 2000	7,58
2001 - 2005	7,51
2006 - 2010	7,02
2011 - 2013	5,56

Nguồn: (xem *Chú thích 3*, trang 28, TC KHCT)

Bảng 2: Chỉ số ICOR của Việt Nam qua các năm

Năm	2005	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013
Chỉ số	5,0	6,0	6,7	7,3	6,0	5,3	5,8	5,6

Nguồn: Tổng cục Thống kê

hệ thống DN Việt Nam năm 2011 chỉ đạt đạt 2,5% (thấp hơn tỷ lệ 5,5% của năm 2006), khu vực DN FDI có hiệu suất sinh lời trên tài sản năm 2011 đạt cao nhất (4,8%), tiếp đến là khu vực DNNN (3,2%) và thấp nhất là khu vực DN ngoài Nhà nước (1,2%); hiệu suất sinh lời trên doanh thu toàn hệ thống DN năm 2011 đạt 3,2% (thấp hơn tỷ lệ 6,1% của năm 2006)⁽⁴⁾.

DNNN chưa phát huy được vai trò định hướng XHCN trong nền kinh tế nhiều thành phần, chưa thể hiện được sự ưu việt vượt trội về kinh tế so với các DN thuộc các thành phần kinh tế khác. Mặc dù được Nhà nước quan tâm đầu tư lớn và tạo nhiều thuận lợi về mặt bằng kinh doanh, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng từ Nhà nước, song DNNN, đặc biệt các tổng công ty, tập đoàn kinh tế chưa tập trung thực hiện tốt chức năng trong những ngành, lĩnh vực then chốt, chưa phát huy được vai trò mở đường, dẫn dắt các DN thuộc các thành phần kinh tế khác. Việc sắp xếp và cổ phần hóa DNNN còn chậm, quy trình chưa chặt chẽ; trình độ công nghệ lạc hậu, quản trị DN yếu kém, hiệu quả thấp. Việc phân định chức năng quản lý nhà nước và quản lý của chủ sở hữu nhà nước trong các DNNN chưa rõ ràng; thể chế, cơ chế quản lý, giám sát của chủ sở hữu nhà nước có nhiều sơ hở, yếu kém, dẫn tới đầu tư từ ngân sách nhà nước dàn trải; DNNN đầu tư kém hiệu quả trong ngành kinh doanh chính, nhưng vẫn tranh thủ đầu tư ra ngoài ngành. Tình hình đó vừa gây thất thoát lãng phí, sử dụng không hiệu quả tài sản của toàn dân, vừa tạo thuận lợi cho sự tha hóa của một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, làm cho việc chống tham nhũng ngày càng khó khăn. Những yếu kém của DNNN chủ yếu là do năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý DN yếu,

chưa đáp ứng yêu cầu; một bộ phận suy thoái về đạo đức, lối sống, thậm chí vi phạm pháp luật trong khi chưa có thể chế ngăn chặn, loại bỏ một cách hiệu quả.

Các HTX, đặc biệt là HTX nông nghiệp, có quy mô nhỏ, cơ sở vật chất nghèo nàn, lạc hậu, sức cạnh tranh trên thị trường kém. Nhiều HTX còn lúng túng trong chuyển đổi phương thức hoạt động; hoạt động nặng về hình thức, kém hiệu quả, chưa mang lại nhiều lợi ích cho xã viên. Xã viên chưa hoàn toàn yên tâm và chưa toàn tâm đóng góp xây dựng HTX. Hình thức tổ chức và hoạt động sản xuất - kinh doanh của các HTX chưa hấp dẫn nhân dân tham gia, chưa thể hiện được vai trò nền tảng của quan hệ sản xuất mới trong nền kinh tế. Những hạn chế, yếu kém của kinh tế tập thể dưới loại hình HTX chủ yếu là do những thiếu sót, khuyết điểm của các cấp ủy đảng và chính quyền từ Trung ương đến địa phương. Nhận thức về vị trí, vai trò, tính tất yếu khách quan của việc phát triển kinh tế tập thể chưa được cụ thể hóa bằng các chính sách nhằm nâng cao lợi ích của xã viên. Việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho HTX chưa được thực hiện tốt; chưa huy động được sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị để đẩy mạnh phát triển khu vực kinh tế này. Tâm lý hoài nghi, mặc cảm với mô hình HTX kiểu cũ trong xã hội còn khá phổ biến, trong khi các mô hình mới chưa được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển và thay thế mô hình cũ.

Mặc dù, DN ngoài Nhà nước phát triển nhanh về số lượng và lĩnh vực hoạt động, giải quyết được nhiều việc làm, góp phần quan trọng vào việc xóa đói, giảm nghèo, bảo đảm an sinh xã hội cho đất nước, nhưng hầu hết là các DN nhỏ và vừa, ít đầu tư vào lĩnh vực sản xuất - kinh doanh, vốn ít, công nghệ sản xuất lạc hậu, trình độ quản lý yếu kém, hiệu quả và sức cạnh tranh yếu; đồng thời phải đối mặt với nhiều khó khăn, vướng mắc về vốn, mặt bằng

⁽⁴⁾ Tổng cục Thống kê, *Kết quả tổng điều tra các cơ sở kinh tế, hành chính, sự nghiệp năm 2012*

sản xuất - kinh doanh, môi trường pháp lý và môi trường tâm lý xã hội. Nhiều đơn vị kinh tế tư nhân chưa thực hiện tốt những quy định của pháp luật đối với người lao động; không ít đơn vị vi phạm pháp luật, trốn lậu thuế, gian lận thương mại, kinh doanh trái phép...

Những yếu kém hiện hữu của các chủ thể kinh doanh đang tác động tiêu cực đến tính cạnh tranh của nền kinh tế, cản trở việc nâng cao sức cạnh tranh của từng chủ thể và toàn bộ nền kinh tế, kìm hãm sự phát triển của các quan hệ thị trường theo hướng văn minh.

Ba là, hệ thống thị trường chưa đồng bộ, chưa đáp ứng được các nhu cầu trong kinh doanh của hệ thống DN. Thị trường tài chính không ngừng được mở rộng, nhưng trình độ phát triển còn thấp. Hệ thống ngân hàng ẩn chứa nhiều rủi ro, tính minh bạch chưa đảm bảo, trình độ quản trị và am hiểu về kinh doanh chưa đạt yêu cầu, chưa thực sự trở thành chủ thể tư vấn hữu hiệu và kênh cấp vốn đầy đủ, kịp thời cho hoạt động của các DN, đặc biệt đối với các DN nhỏ và vừa. Thị trường chứng khoán phát triển chưa vững chắc, chưa thực sự trở thành kênh cấp vốn dài hạn cho đầu tư sản xuất - kinh doanh. Thị trường sức lao động đang trong quá trình hình thành còn sơ khai, hệ thống thông tin và kết cấu hạ tầng của thị trường chưa đầy đủ, chưa thực sự tạo thuận lợi cho DN tuyển lao động cũng như người lao động tìm việc làm. Thị trường bất động sản phát triển chưa ổn định, mức độ đầu cơ cao, chưa đáp ứng yêu cầu phục vụ phát triển kinh tế. Thị trường khoa học và công nghệ phát triển chậm, chưa gắn kết chặt chẽ kết quả nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo với nhu cầu sản xuất - kinh doanh và quản lý.

Những yếu kém trong hệ thống thị trường cũng như của các chủ thể kinh doanh đã và đang đẩy sự phát triển của nền KTTT nước ta theo hướng tự phát và chủ yếu chú trọng lợi ích trước mắt, trở thành yếu tố tiềm ẩn nguy cơ gây mất ổn định trong phát triển kinh tế - xã hội.

Bốn là, quản lý nhà nước về kinh tế còn nhiều bất cập. Công tác tạo lập khung khổ pháp lý cho các hoạt động kinh tế thông qua việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật quá chậm, chưa theo kịp sự phát triển. Việc xây dựng thể chế văn bản chủ yếu hướng tới lợi ích của chủ thể quản lý, gây khó khăn cho việc thực hiện trong thực tiễn. Nhà nước chưa thực hiện tốt vai trò định hướng phát triển kinh tế - xã hội thông qua công tác quy hoạch và kế hoạch hóa. Công tác quy hoạch và kế hoạch hóa chưa thực sự dựa vào sự điều tra đánh giá và dự báo khoa học, chịu ảnh hưởng nặng nề của ý chí chủ quan, tư duy nhiệm kỳ, về căn bản thiếu tầm nhìn dài hạn, gây lãng phí lớn. Việc hoạch định chính sách còn nặng về kiểm tra, xử lý nhiều hơn là hỗ trợ tạo điều kiện cho sản xuất - kinh doanh. Quản lý nhà nước đối với các ngành và lĩnh vực còn chồng chéo, nhiều vướng mắc, hiệu quả thấp. Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên còn lãng phí, hiệu quả chưa cao. Quản lý nhà nước về đất đai còn nhiều hạn chế, nhất là trong quy hoạch sử dụng đất, định giá đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ và tái định cư; thủ tục hành chính về đất đai còn rườm rà. Lợi ích của Nhà nước và người dân có đất bị thu hồi chưa được bảo đảm tương xứng; nguồn lực về đất đai chưa được phát huy đầy đủ để trở thành nội lực quan trọng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Việc sử dụng đất ở nhiều nơi còn lãng phí, hiệu quả thấp; tham nhũng, tiêu cực trong lĩnh vực này còn lớn; thị trường bất động sản phát triển không ổn định, thiếu lành mạnh, giao dịch phi chính thức là phổ biến; tình hình khiếu nại, tố cáo, tranh chấp về đất đai còn diễn biến phức tạp. Quản lý thị trường, nhất là thị trường bất động sản, thị trường tài chính lúng túng, nhiều sơ hở, thiếu chặt chẽ dẫn đến tình trạng đầu cơ, làm giàu bất chính cho một số người; chính sách phân phối còn nhiều bất hợp lý.

Nền hành chính nhà nước yếu kém: Chức

năng, nhiệm vụ của nhiều cơ quan trong hệ thống hành chính nhà nước chưa rõ ràng, còn trùng lặp và chưa bao quát hết các lĩnh vực quản lý nhà nước; cơ cấu tổ chức bộ máy quá chồng chéo; đội ngũ cán bộ, công chức quá đông về số lượng, nhưng thấp về chất lượng trong khi thiếu cơ chế sàng lọc loại bỏ kịp thời những phần tử yếu kém, có hại, làm tăng gánh nặng ngân sách, đồng thời làm cho tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí thêm nghiêm trọng. Quản lý tài chính nhà nước tuy có nhiều đổi mới, nhưng còn bất cập, vẫn thiên về đảm bảo lợi ích nhóm của các nhà quản lý. Thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc, gây phiền hà cho tổ chức và công dân; kỉ luật, kỉ cương chưa nghiêm; hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước còn nhiều yếu kém.

Năm là, hệ thống thể chế KTTT định hướng XHCN vẫn còn nhiều bất cập, vướng mắc. Quá trình xây dựng thể chế KTTT định hướng XHCN còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước. Hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách chưa đầy đủ, đồng bộ và thống nhất. Việc xử lý các vấn đề liên quan đến đất đai còn nhiều vướng mắc. Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong các DNNN chưa giải quyết tốt, gây khó khăn cho sự phát triển và làm thất thoát tài sản nhà nước, nhất là khi tiến hành cổ phần hóa. DN thuộc các thành phần kinh tế khác còn bị phân biệt đối xử. Các yếu tố thị trường và các loại thị trường hình thành, phát triển chậm, thiếu đồng bộ, vận hành chưa thông suốt. Tình trạng cạnh tranh không lành mạnh, gian lận thương mại, trốn, lậu thuế còn nhiều, chậm được khắc phục. Phân bổ nguồn lực quốc gia chưa hợp lý. Chính sách tiền lương vẫn mang tính bình quân, lạc hậu, lỗi thời, chưa bảo đảm đời sống của người hưởng lương. Việc thực hiện chính sách tiền lương không dựa vào lao động đóng góp hiện tại và thiếu căn cứ khoa học để tính lượng lao động đã đóng góp vừa làm triệt tiêu động lực thực hiện tốt nhiệm vụ

của đội ngũ cán bộ đương chức, kích thích xu thế giữ chỗ làm việc càng lâu càng tốt, vì "sống lâu sẽ lên lão làng", vừa ngăn cản việc thu hút và sử dụng người có đức, có tài vào bộ máy nhà nước. Hệ thống thuế chưa thực hiện tốt chức năng điều tiết và bảo đảm công bằng xã hội, chưa thúc đẩy đầu tư, đổi mới công nghệ, chưa đảm bảo nuôi dưỡng và phát triển nguồn thu. Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu lực, hiệu quả quản lý còn thấp.

Nguyên nhân của những hạn chế trên một phần do việc xây dựng nền KTTT định hướng XHCN ở nước ta là hoàn toàn mới, chưa có tiền lệ trong lịch sử, vừa làm vừa tổng kết; nhận thức về KTTT định hướng XHCN chưa rõ ràng, công tác lý luận chưa theo kịp đòi hỏi của thực tiễn, chưa nhận thức rõ những yêu cầu cơ bản trong phát triển KTTT văn minh; mối quan hệ giữa KTTT và định hướng XHCN chưa được làm rõ, chưa xác định rõ cách thức, bước đi, biện pháp sử dụng KTTT để xây dựng CNXH; năng lực thể chế hóa và quản lý, tổ chức thực hiện của Nhà nước còn hạn chế... Tuy nhiên, nguyên nhân chủ yếu nhất là chưa đủ quyết tâm chính trị để kiên quyết, nhanh chóng phát triển KTTT với tư cách là công cụ, phương tiện để xây dựng CNXH, đồng thời vai trò tham gia hoạch định chính sách, thực hiện và giám sát thực hiện chính sách của nhân dân thông qua các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội, nghề nghiệp chưa được phát huy.

Tóm lại, những phân tích và đánh giá thực trạng kể trên cho phép khẳng định rõ, phát triển nền KTTT ở nước ta là xu thế khách quan không thể đảo ngược. Những cơ sở ban đầu của nền KTTT ở Việt Nam đã được xác lập, song còn sơ khai, cần được tiếp tục đổi mới, hoàn thiện để đất nước có thể sử dụng hiệu quả và nhanh chóng hơn cơ chế thị trường trong xây dựng nền tảng của CNXH□